HITACHI

Điều hòa không khí cho gia đình bạn

Máy điều hòa cục bộ
Loại treo tường

Cooling & Heating



Tận hưởng không khí hoàn toàn khác

Hoạt động một cách êm dịu tạo cảm giác tuyệt vời chưa từng có.

Điều tương tự cũng đúng với việc giữ cho hệ thống điều hòa không khí trong nhà của bạn hoạt động tốt nhất.

Các công nghệ tiên tiến, chẳng hạn như Frost Wash, hoạt động êm dịu giúp điều hòa không khí gia đình bạn sạch sẽ và vệ sinh, giúp bạn tận hưởng không khí lý tưởng quanh năm.

Bạn có thể không hiểu lắm về công nghệ, nhưng chắc chắn bạn sẽ cảm nhận được sự khác biệt mà chúng tôi mang lại cho ngôi nhà bạn.





Không khí trong lành hơn bắt đầu với một thiết bị điều hòa không khí luôn sạch sẽ

Chúng ta ngày càng ý thức rõ việc không khí trong nhà ảnh hưởng thế nào đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình. Ngay cả với hệ thống điều hòa không khí hiện đại, bụi bẩn và vi khuẩn vẫn tích tụ bên trong các dàn lạnh và điều này có thể làm giảm chất lượng không khí và năng suất của thiết bị.

Frost Wash*

Frost Wash là công nghệ tự vệ sinh mới nhất của Hitachi. Nó hoạt động bằng cách đóng băng dàn lạnh, thu giữ và sau đó loại bỏ các tạp chất, nấm mốc có thể tích tụ theo thời gian.

Stainless Clean System*

So với nhựa, khả năng chống bám bẩn của kim loại giảm **50%**, vì thế loại bỏ đến **99%** vi khuẩn và nấm mốc.

Bộ lọc không khí PM2.5 Wasabi *

Bộ lọc làm sạch không khí được phủ một dung dịch làm từ Nano Titanium và Wasabi, kiêm lọc bụi mịn PM2.5, mang lại hiệu quả kháng khuẩn, chống dị ứng, chống nấm mốc và khử mùi.

* Vui lòng tham khảo trang cuối để biết các tính năng có sẵn của từng dòng máy.

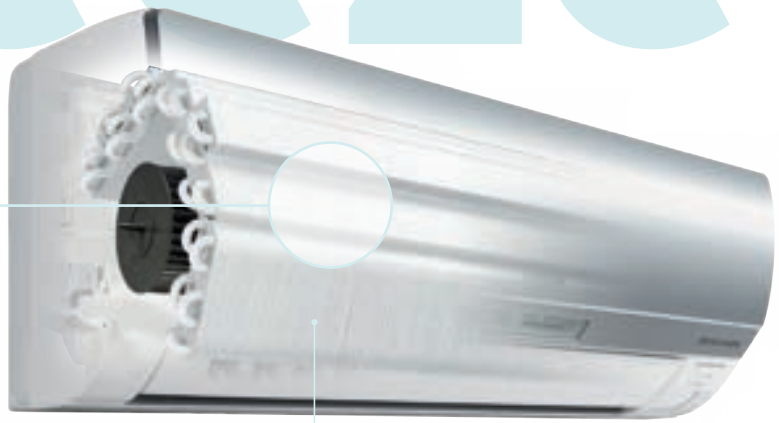
CÁC TÍNH NĂNG LÀM SẠCH

CÔNG NGHỆ FROST WASH

Freeze

1

Sự đóng băng được tạo ra bằng cách sử dụng hơi nước từ không khí sau đó ngăn chặn sự trao đổi nhiệt trong khi nhiệt độ giảm xuống tối đa -15° C.



Không khí di chuyển trong dàn trao đổi nhiệt của dàn lạnh trong quá trình hoạt động thông thường. Dàn trao đổi nhiệt sạch sẽ giúp cho không khí trong nhà của bạn trong lành và sạch sẽ hơn.

Với Frost Wash, công nghệ làm sạch mới mang tính cách mạng, bạn có thể tận hưởng không khí trong lành hơn quanh năm. Tính năng Frost Wash độc đáo giúp loại bỏ bụi và vi khuẩn tích tụ trên bề mặt dàn trao đổi nhiệt bằng cách thu gom và đóng băng chúng lại. Khi băng tan, bụi bẩn được xả ra thông qua đường ống thoát nước.

Giữ không khí sạch sẽ lâu hơn

Khi vận hành, các bề mặt bên trong dàn lạnh máy điều hòa không khí có thể thu hút bụi, vi khuẩn và các hạt. Điều này làm giảm chất lượng không khí và năng suất thiết bị.

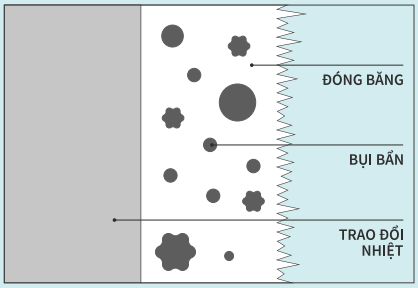
Chu trình Frost Wash thường xuyên loại bỏ các tạp chất tích tụ này để giữ cho điều hòa không khí của bạn luôn ở trạng thái tối ưu nhất, giúp bạn tận hưởng không khí trong lành hơn mỗi ngày.

Frost Wash là bí quyết để làm sạch không khí tại nhà

Chức năng tự làm sạch độc đáo này sẽ loại bỏ bụi và các chất bẩn mà bạn có thể không biết.

- **99%** virus*
  bên trong điều hòa không khí của bạn
- **93%** vi khuẩn và nấm mốc**

NEW



Bụi được gỡ ra khỏi dàn trao đổi nhiệt khi nước đang trong quá trình đóng băng.

& Melt



2

Đóng băng sau đó tan chảy và rửa sạch bụi bám vào bộ trao đổi nhiệt.

Hình ảnh mang tính chất minh họa.
Sản phẩm có thể khác nhau ở mỗi quốc gia.

Ngăn chặn bụi tích tụ

Trong quá trình vận hành Frost Wash, bề mặt của bộ trao đổi nhiệt được phủ một lớp băng. Chức năng này sau đó biến hơi nước thành tuyết, khóa bụi và các chất bẩn. Lớp tuyết sau đó được tan chảy, cho phép rửa sạch bụi bẩn một cách an toàn và vệ sinh. Giúp điều hòa không khí của bạn sạch hơn, hoạt động hiệu quả hơn.

Ngăn chặn rò rỉ nước

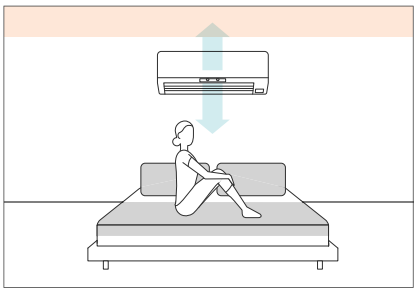
Trong khi Frost Wash làm sạch bên trong thiết bị của bạn, nó cũng đảm bảo rằng mọi hơi ẩm dư thừa sẽ nhanh chóng được loại bỏ thông qua ống thoát nước.

*Kiểm định bởi Kitasato Research Center for Environmental Scienc, Nhật Bản.
**Kiểm định bởi Kitasato Research Center for Environmental Scienc, Nhật Bản.
Kiểm định số 2020-0368 hiệu quả chống Virus khi vận hành Frost Wash.

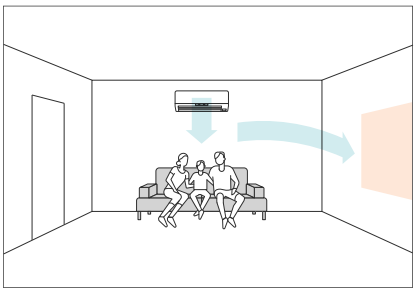
TÍNH NĂNG & LỢI ÍCH MANG LẠI

THOẢI MÁI & AN TOÀN

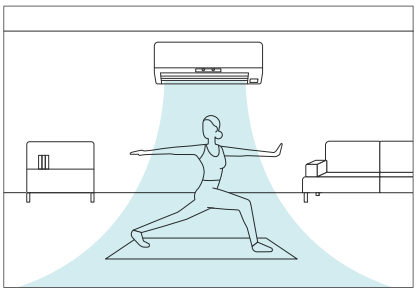
Luôn luôn hoạt động êm dịu để bạn được thoải mái, hệ thống cảm biến phát hiện hoạt động của con người và các nguồn nhiệt để tự động điều chỉnh chính xác nhiệt độ làm mát hoặc sưởi ấm. Thiết bị cũng hỗ trợ chế độ Eco cho hiệu suất tiết kiệm điện năng.



Tầng trên cùng với trần nhà nóng
Trần nhà ảnh hưởng bởi nguồn nhiệt cao, cánh đảo gió xoay lên-xuống giúp không khí mát (lạnh) hơn.



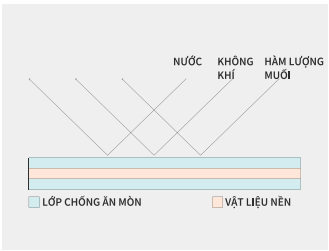
Ngày nắng với rèm cửa mở
Cửa sổ bị ảnh hưởng bởi nguồn nhiệt cao, cánh đảo gió xoay trái-phải giúp không khí mát (lạnh) hơn.

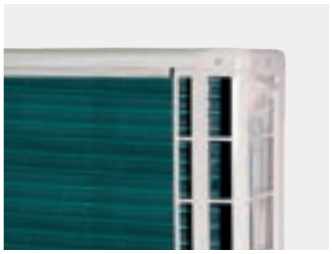


Sức mạnh kép
Cảm biến nhiệt và hình ảnh kép hoạt động cùng nhau để tăng cường cả sự thoải mái của bạn và cải thiện hiệu suất năng lượng. Chúng liên tục theo dõi nhiệt độ phòng cùng mức độ hoạt động và điều chỉnh hiệu suất làm mát để duy trì nhiệt độ phòng lý tưởng.

Độ bền và tính năng an toàn giúp bạn hoàn toàn yên tâm

- Vỏ điện chống cháy
- Lớp phủ chống ăn mòn cho dàn nóng
- Vỏ ngoài chống gỉ



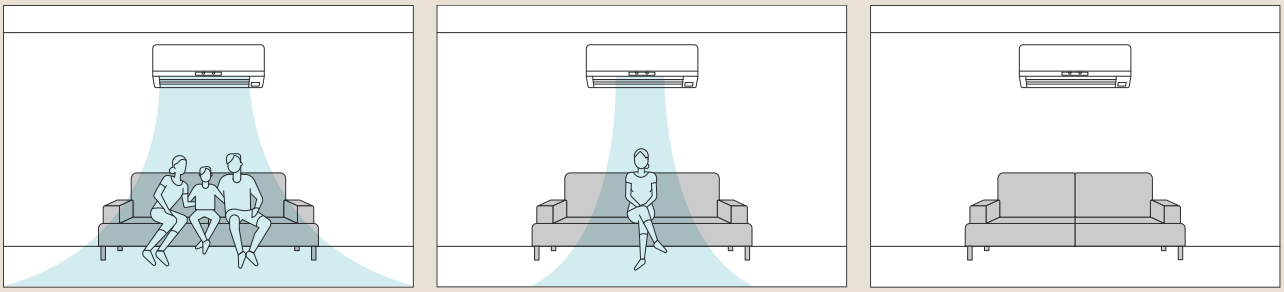


Tiết kiệm năng lượng thông minh

Chế độ tiết kiệm (Eco Mode)
Với chức năng Eco Mode, điều hòa không khí sẽ tự hoạt động dựa theo số lượng người, mức độ hoạt động và thậm chí cả bức xạ nhiệt trong phòng.

HOẠT ĐỘNG MẠNH

HOẠT ĐỘNG THẤP



Làm lạnh thoải mái

Tiết kiệm năng lượng

Tự động tắt

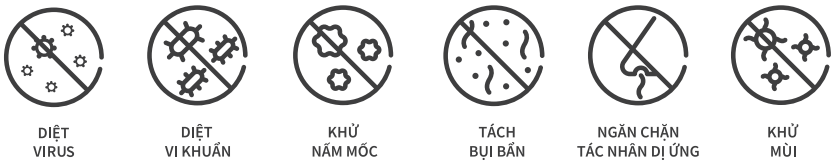
Vận hành thông minh hơn, ngay cả khi bạn ngủ (Air Sleep)

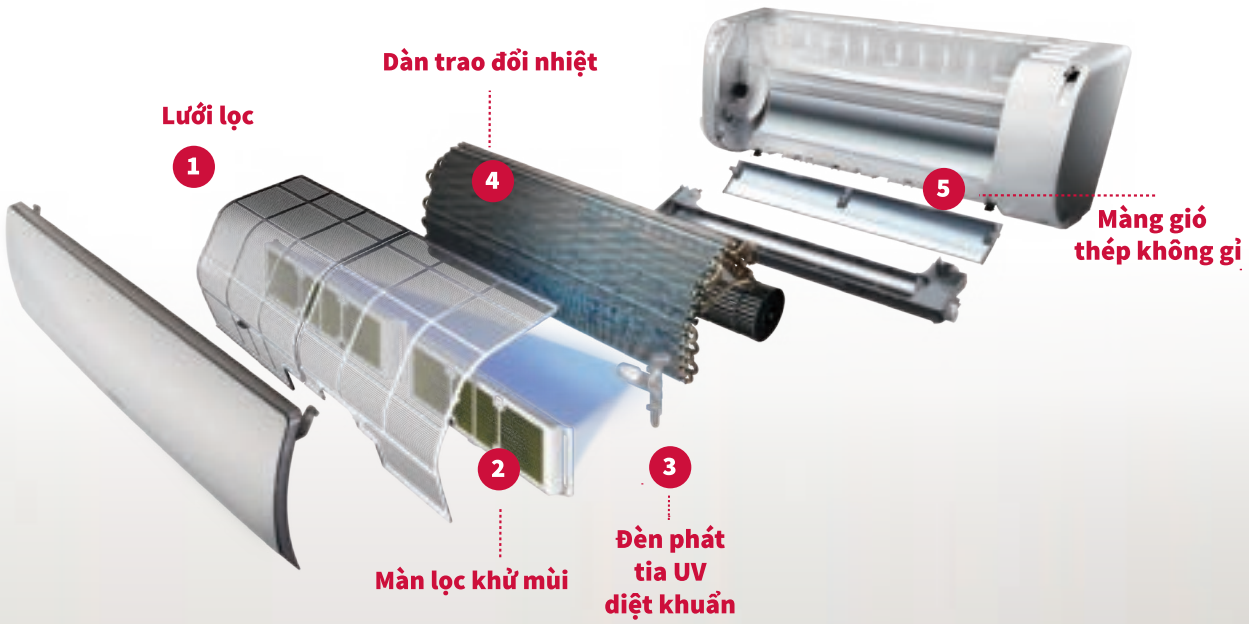
Bằng cách theo dõi tình trạng giấc ngủ của bạn vào ban đêm, nhiệt độ và độ ẩm được tối ưu hóa và tự động điều chỉnh chế độ vận hành siêu êm dịu giúp bạn có giấc ngủ ngon. Chế độ làm mát thông thường sẽ được kích hoạt lại khi cảm biến phát hiện bạn thức giấc.



HÀNH TRÌNH CỦA KHÔNG KHÍ

5 bước lọc tạo không khí sạch

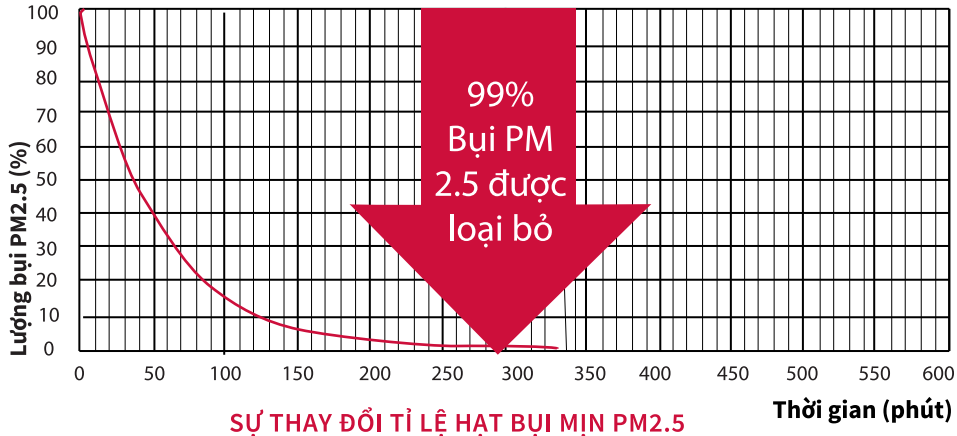




Lọc bụi mịn than hoạt tính PM 2.5

Sử dụng màng lọc bụi mịn PM2.5 cho hiệu quả làm sạch cao
Hiệu quả lọc 99% bụi PM2.5

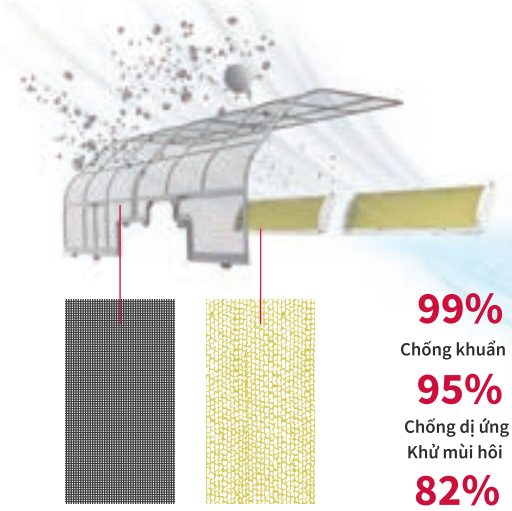
- Khử mùi
- Khử các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi
- Lọc bụi mịn PM2.5



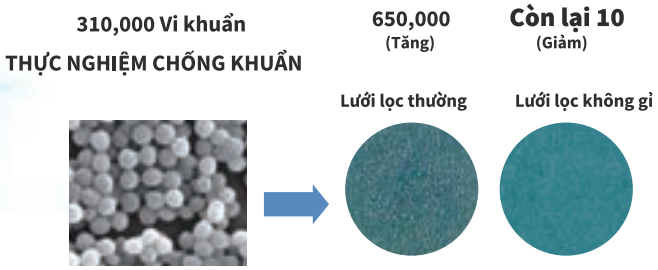
SỰ THAY ĐỔI TỈ LỆ HẠT BỤI MỊN PM2.5
(Thực nghiệm ở phòng 25m³)

Lọc bụi mịn PM 2.5 Wasabi

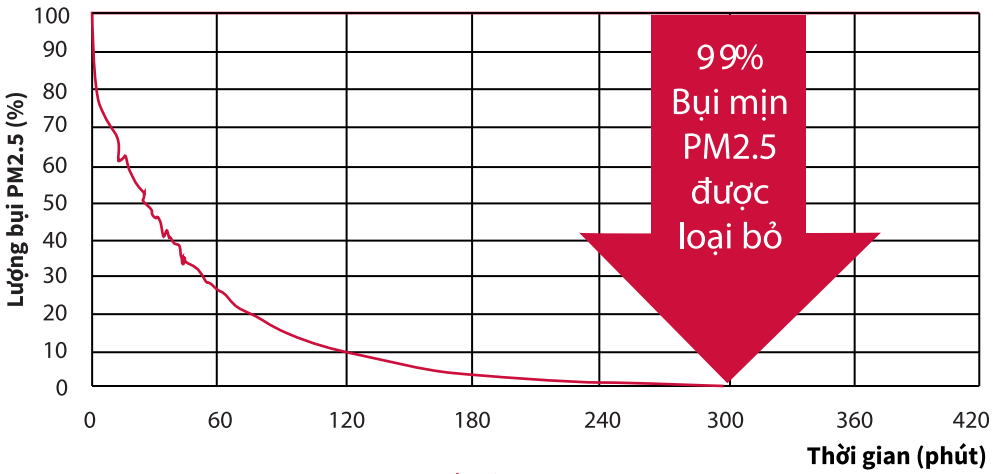
Sử dụng màng lọc bụi mịn PM2.5 cho hiệu quả làm sạch cao
Hiệu quả lọc 99% bụi PM2.5
Tác dụng của lọc Wasabi + lọc bụi mịn PM2.5



99%
Chống khuẩn
95%
Chống dị ứng
Khử mùi hôi
82%



- Chống khuẩn
- Chống dị ứng
- Khử mùi
- Khử các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi
- Khử nấm mốc
- Lọc bụi mịn PM2.5



SỰ THAY ĐỔI TỈ LỆ HẠT BỤI MỊN PM2.5
(Thực nghiệm ở phòng 25m³)

ĐỒ ĐIỀU KHIỂN



Điều chỉnh nhiệt độ

Hẹn giờ ngủ

Chế độ làm lạnh/ yên tĩnh
Tách ẩm / Quạt

Điều chỉnh nhiệt độ

Tắt cài đặt thời gian

Mở cài đặt thời gian

Chế độ luồng gió chào đón

Chế độ Refresh

Tắt /Mở nguồn

Điều chỉnh tốc độ gió

Điều chỉnh quạt
Lên/ Xuống

Điều chỉnh quạt
Trái/ Phải

Điều chỉnh hướng gió rộng
RAS - VJ18CLV /JV24CLV

Chế độ hoạt động tối đa

Tự làm sạch
Frost Wash

DÒNG INVERTER CAO CẤP VJ

- Tính năng tự vệ sinh Frost Wash
- Lưới lọc không gỉ
- Hệ thống cảm biến
- Tính năng tự điều chỉnh hướng gió lên trần
- Tính năng cảm nhận giấc ngủ
- Công nghệ Vector DC Inverter

GOOD DESIGN



RAS-VJ10CLV/VJ13CLV



RAS-VJ18CLV/VJ24CLV

INVERTER CAO CẤP VJ

Model	Dàn lạnh		RAS-VJ10CLV	RAS-VJ13CLV	RAS-VJ18CLV	RAS-VJ24CLV
	Dàn nóng		RAC-VJ10CLV	RAC-VJ13CLV	RAC-VJ18CLV	RAC-VJ24CLV
Nguồn cấp	Dòng điện		1 Pha			
	V/Hz		220-230/50			
	Nguồn		Dàn lạnh			
Công suất lạnh	Định mức (min/max)	kW	2.85 (0.9-3.5)	3.4 (0.9-4.2)	5.0 (0.9-5.8)	6.2 (1.5-8.0)
	Định mức (min/max)	BTU/h	9,730 (3,070-12,000)	11,598 (3,070-14,330)	17,060 (3,070-19,789)	22,160 (5,118-23,891)
Sao năng lượng			5 Sao	5 Sao	5 Sao	5 Sao
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		Wh/Wh	5.5	5.52	6.3	5.86
Công suất điện vào	Định mức (min/max)	W	648 (210-1,190)	983 (330-1,280)	1,470 (320-2,000)	2,150 (300-2,820)
Dòng điện		A	3.40-3.25	5.24-5.02	6.75-6.45	9.87-9.44
Lưu lượng gió	Powerful/H/M/L/Silent	m3/min	12.0/11.5/9.0/6.0/3.5	12.0/11.5/9.0/6.0/3.5	15.0/14.5/12.0/8.0/6.0	15.0/14.0/12.0/8.0/6.0
Độ ồn	Powerful/H/M/L/Silent	dB(A)	48/44/35/27/19	48/44/35/27/19	49/48/40/33/30	49/48/40/33/30
Công suất tách ẩm		L/h	1.6	1.6	3.4	4.5
Chiều dài / Độ cao tối đa		m	20/10	20/10	20/10	30/20
Đường kính ống lỏng / hơi		mm	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7	6.35/12.7
Kích thước	Dàn lạnh (W*H*D)	mm	790 x 300 x 280	790 x 300 x 280	900 x 300 x 230	900 x 300 x 230
	Dàn nóng (W*H*D)	mm	750 x 570 x 280	750 x 570 x 280	850 x 650 x 298	850 x 750 x 298
Khối lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	11/32	11/32	10.5/43	11.5/45
Môi chất lạnh			R32			

DÀN NÓNG



RAC-VJ10CLV/VJ13CLV



RAC-VJ18CLV



RAC-VJ24CLV



RAC-VJ10CLV/VJ13CLV
Chống ăn mòn



RAC-VJ18CLV
Chống ăn mòn



RAC-VJ24CLV
Chống ăn mòn

Sản phẩm thực tế có thể khác

DÒNG INVERTER TIÊU CHUẨN PJ

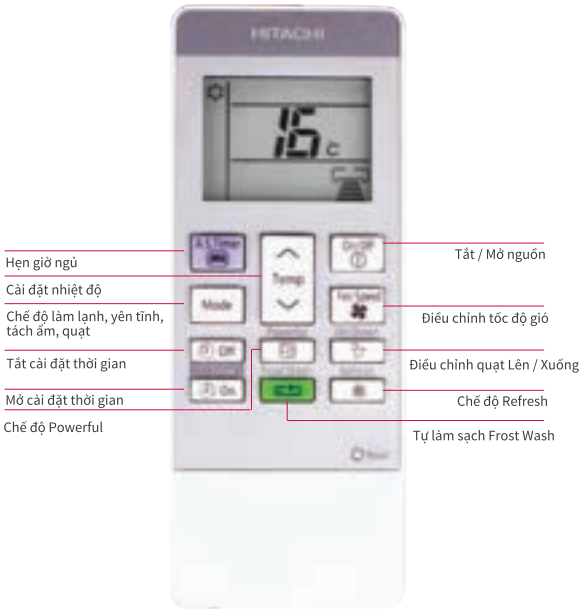
- Tính năng tự vệ sinh Frost Wash
- Bộ lọc bụi mịn PM 2.5 Wasabi
- Hẹn giờ ngủ (Air Sleep Timer)
- Công nghệ Vector DC Inverter



RAS-PJ10CMV/ PJ13CMV



RAS-PJ18CMV/PJ24CMV



RAS-PJ10CMV/ PJ13CMV

INVERTER TIÊU CHUẨN PJ

Model	Dàn lạnh		RAS-PJ10CMV	RAS-PJ13CMV	RAS-PJ18CMV	RAS-PJ24CMV
	Dàn nóng		RAC-PJ10CMV	RAC-PJ13CMV	RAC-PJ18CMV	RAC-PJ24CMV
Nguồn cấp	Dòng điện				1 pha	
	V/Hz				220-240/50	
	Nguồn				Dàn lạnh	
Công suất lạnh	Định mức (min/max)	kW/h	2.7 (0.9-3.3)	3.5 (0.9-4.0)	5.2 (0.9-5.5)	6.2 (1.5-6.8)
	Định mức (min/max)	BTU/h	9,210 (3,070 - 11,260)	11,940 (3,070 - 13,640)	17,740 (3,070 - 18,760)	21,150 (5,110 - 23,200)
Sao năng lượng			5 Sao	5 Sao	5 Sao	5 Sao
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		Wh/Wh	4.99	4.91	5.07	5.12
Công suất điện vào	Định mức (min/max)	W	800 (210 ~ 1190)	1150 (350 ~ 1350)	1500 (250 ~ 1800)	1700 (350 ~ 2000)
Dòng điện		A	4.28 ~ 3.92	5.5 ~ 5.04	7.18 ~ 6.58	8.13 ~ 7.46
Lưu lượng gió (m^3/min)	Powerful/H/M/L/Silent		10.5/8.5/7.0/5.0/3.0	11.0/10.5/8.0/5.5/3.5	16.0/14.5/12.0/8.5/7.0	16.0/15/12.0/8.5/7.0
Độ ồn dB(A)	Powerful/H/M/L/Silent		44/41/32/24/19	48/43/33/27/19	49/48/40/33/30	49/48/40/33/30
Công suất tách ẩm		L/h	1.4	1.6	3.4	4.5
Chiều dài / Độ cao tối đa		m	20/10	20/10	20/10	30/20
Đường kính ống lỏng/hơi		mm	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7	6.35/12.7
Kích thước	Dàn lạnh (W*H*D)	mm	780 x 280 x 230	780 x 280 x 230	900 x 300 x 230	900 x 300 x 230
	Dàn nóng (W*H*D)	mm	658 x 530 x 275	658 x 530 x 275	658 x 530 x 275	750 x 570 x 288
Khối lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	8/23	8/23	10.0/24.0	10.0/31.5
Môi chất lạnh			R32			

DÀN NÓNG



RAC-PJ10CMV

Sản phẩm thực tế có thể khác



RAC-PJ13CMV



RAC-PJ18CMV



RAC-PJ24CMV



RAC-PJ10CM
Chống ăn mòn



RAC-PJ13CMV
Chống ăn mòn



RAC-PJ18CMV
Chống ăn mòn



RAC-PJ24CMV
Chống ăn mòn

DÒNG INVERTER TIÊU CHUẨN XJ

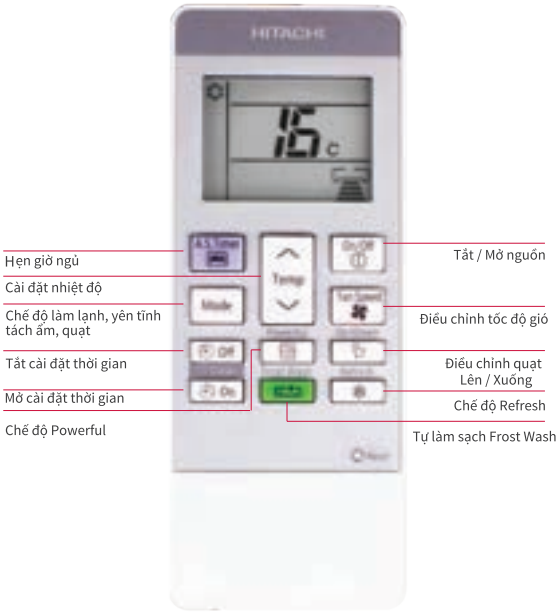
- Tính năng tự vệ sinh Frost Wash
- Bộ lọc bụi mịn PM 2.5 Carbon
- Hẹn giờ ngủ (Air Sleep Timer)
- Công nghệ Vector DC Inverter



RAS-XJ10CMV/XJ13CMV



RAS-XJ18CMV/XJ24CMV



RAS-XJ10CMV/XJ13CMV

INVERTER TIÊU CHUẨN XJ

Model	Dàn lạnh		RAS-XJ10CMV	RAS-XJ13CMV	RAS-XJ18CMV	RAS-XJ24CMV
	Dàn nóng		RAC-XJ10CMV	RAC-XJ13CMV	RAC-XJ18CMV	RAC-XJ24CMV
Nguồn cấp	Dòng điện				1 pha	
	V/Hz				220-240/50	
	Nguồn				Dàn lạnh	
Công suất lạnh	Định mức (min/max)	kW/h	2.7 (0.9-3.3)	3.5 (0.9-4.0)	5.2 (0.9-5.5)	6.2 (1.5-6.8)
	Định mức (min/max)	BTU/h	9,210 (3,070 - 11,260)	11,940 (3,070 - 13,640)	17,740 (3,070 - 18,760)	21,150 (5,110 - 23,200)
Sao năng lượng			5 Sao	5 Sao	5 Sao	5 Sao
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		Wh/Wh	4.73	4.87	5.07	5.38
Công suất điện vào	Định mức (min/max)	W	800 (210 ~ 1190)	1150 (350 ~ 1350)	1500 (250 ~ 1800)	1700 (350 ~ 2000)
Dòng điện		A	4.28 ~ 3.92	5.5 ~ 5.04	7.18 ~ 6.58	8.13 ~ 7.46
Lưu lượng gió (m^3/min)	Powerful/H/M/L/Silent		10.5/8.5/7.0/5.0/3.0	11.0/10.5/8.0/5.5/3.5	16.0/14.5/12.0/8.5/ 7.0	16.0/15/12.0/8.5/ 7.0
Độ ồn dB(A)	Powerful/H/M/L/Silent		44/41/32/24/19	48/43/33/27/19	49/48/40/33/30	49/48/40/33/30
Công suất tách ẩm		L/h	1.4	1.6	3.4	4.5
Chiều dài / Độ cao tối đa		m	20/10	20/10	20/10	30/20
Đường kính ống lỏng/hơi		mm	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7	6.35/12.7
Kích thước	Dàn lạnh (W*H*D)	mm	780 x 280 x 230	780 x 280 x 230	900 x 300 x 230	900 x 300 x 230
	Dàn nóng (W*H*D)	mm	658 x 530 x 275	658 x 530 x 275	658 x 530 x 275	750 x 570 x 288
Khối lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	8/23	8/23	10.0/24.0	10.0/31.5
Môi chất lạnh			R32			

DÀN NÓNG



RAC-XJ10CMV
Sản phẩm thực tế có thể khác

RAC-XJ13CMV

RAC-XJ18CMV

RAC-XJ24CMV

RAC-XJ10CMV
Chống ăn mòn

RAC-XJ13CMV
Chống ăn mòn

RAC-XJ18CMV
Chống ăn mòn

RAC-XJ24CMV
Chống ăn mòn

DÒNG INVERTER TIÊU CHUẨN XJ-CKV

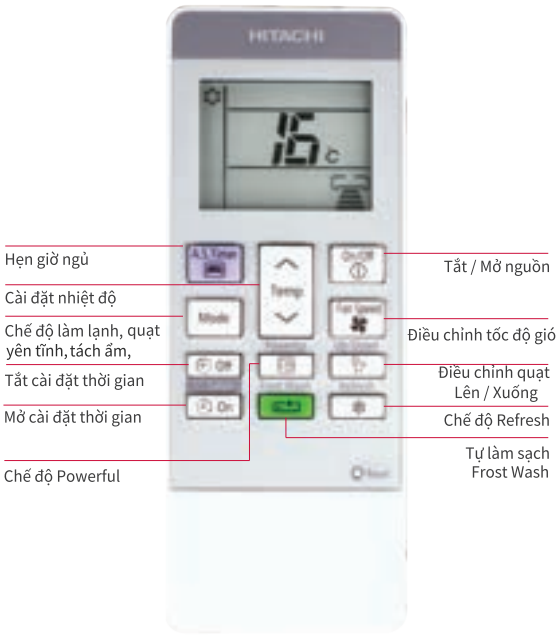
- Tính năng tự vệ sinh Frost Wash
- Hẹn giờ ngủ (Air Sleep Timer)
- Công nghệ Vector DC Inverter



RAS-XJ10CKV/XJ13CKV



RAS-XJ18CKV/XJ24CKV



RAS-XJ10CKV/XJ13CKV/
XJ18CKV/XJ24CKV

INVERTER TIÊU CHUẨN XJ

Model	Dàn lạnh		RAS-XJ10CKV	RAS-XJ13CKV	RAS-XJ18CKV	RAS-XJ24CKV
	Dàn nóng		RAC-XJ10CKV	RAC-XJ13CKV	RAC-XJ18CKV	RAC-XJ24CKV
Nguồn điện	Dòng điện		1 Pha			
	V/Hz		220-230/50			
	Nguồn		Dàn lạnh			
Công suất lạnh	Định mức(min/max)	kW	2.7 (0.9-3.4)	3.5 (0.9-4.0)	5.0 (0.9-5.5)	6.2 (1.5-6.7)
	Định mức(min/max)	BTU/h	9,220 (3,070-11,260)	11,950 (3,070-13,640)	17,060 (3,070-18,760)	21,150 (5,110-22,860)
Sao năng lượng			5 Sao	5 Sao	5 Sao	5 Sao
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		Wh/Wh	4.87	4.44	5.16	5.34
Công suất điện vào	Định mức(min/max)	W	800 (210-1,190)	1,150 (350-1,350)	1,650 (320-2,000)	2,000 (350-2,820)
Dòng điện		A	4.28-4.09	5.50-5.25	7.90-7.55	9.55-9.15
Lưu lượng gió		m3/min	10.5/8.5/7.0/5.0/3.0	11.0/10.5/8.0/5.5/3.5	15.0/14.5/12.0/8.0/6.0	15.0/14.5/12.0/8.0/6.0
Độ ồn	Powerful/H/M/L/ Silent	dB(A)	44/41/32/24/19	48/43/33/27/19	49/48/40/33/30	49/48/40/33/30
Công suất tách ẩm		L/h	1.4	1.6	3.4	4.5
Chiều dài / Độ cao tối đa		m	20/10	20/10	20/10	30/20
Đường kính ống lỏng / hơi		mm	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7	6.35/12.7
Kích thước	Dàn lạnh (W*H*D)	mm	780 x 280 x 230	780 x 280 x 230	900 x 300 x 230	900 x 300 x 230
	Dàn nóng (W*H*D)	mm	658 x 530 x 275	658 x 530 x 275	750 x 570 x 280	850 x 650 x 298
Khối lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	8.0/21	8.0/22	10.0/33	10.0/43
Môi chất lạnh			R32			

DÀN NÓNG



RAC-XJ10CKV



RAC-XJ13CKV



RAC-XJ18CKV



RAC-XJ24CKV



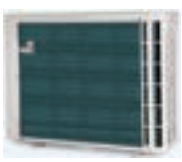
RAC-XJ10CKV
Chống ăn mòn



RAC-XJ13CKV
Chống ăn mòn



RAC-XJ18CKV
Chống ăn mòn



RAC-XJ24CKV
Chống ăn mòn

Sản phẩm thực tế có thể khác

DÒNG MONO TIÊU CHUẨN EJ

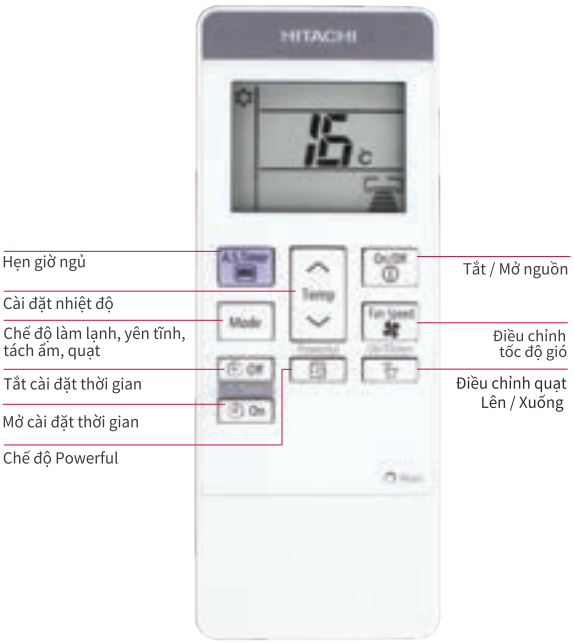
- Hẹn giờ ngủ (Air Sleep Timer)



RAS-EJ10CKV1/EJ13CKV



RAS-EJ18CKV/EJ24CKV



RAS-EJ10CKV1/EJ13CKV/ EJ18CKV/EJ24CKV

MONO TIÊU CHUẨN EJ

Model	Dàn lạnh		RAS-EJ10CKV1	RAS-EJ13CKV	RAS-EJ18CKV	RAS-EJ24CKV
	Dàn nóng		RAC-EJ10CKV1	RAC-EJ13CKV	RAC-EJ18CKV	RAC-EJ24CKV
Nguồn điện	Dòng điện		1 Pha			
	V/Hz		220-230/50			
	Nguồn		Dàn lạnh			
Công suất lạnh	Định mức	kW	2.65	3.5	5.2	6.3
	Định mức	BTU/h	9,040	11,950	17,750	21,500
Sao năng lượng			2 Sao	2 Sao	2 Sao	3 Sao
Hiệu suất năng lượng (CSPF)		Wh/Wh	3.42	3.47	3.25	3.49
Công suất điện vào	Định mức	W	825	1,100	1,700	1,950
Dòng điện		A	3.94-3.77	5.05-4.83	8.13-7.78	9.33-8.92
Lưu lượng gió		m3/min	10.5/9.5/7.5/6.0/4.5	12.0/11.5/9.0/7.5/6.2	18.0/16.5/12.5/10.5/7.5	18.0/17.0/13.5/11.5/8.0
Độ ồn	Powerful/H/M/L/ Silent	dB(A)	46/39/34/28/25	48/43/37/31/29	50/45/38/35/29	50/48/41/36/30
Công suất tách ẩm		L/h	1.4	1.8	3.5	3.5
Chiều dài / Độ cao tối đa		m	15/10	15/10	20/10	20/10
Đường kính ống lỏng / hơi		mm	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7	6.35/15.88
Kích thước	Dàn lạnh (W*H*D)	mm	780 x 280 x 230	780 x 280 x 230	1100 x 300 x 260	1100 x 300 x 260
	Dàn nóng (W*H*D)	mm	658 x 530 x 275	658 x 530 x 275	750 x 570 x 280	850 x 650 x 298
Khối lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	8.0/23	8.0/26	14.0/37	14/47.5
Môi chất lạnh			R32			

DÀN NÓNG



RAC-EJ10CKV1



RAC-EJ13CKV



RAC-EJ18CKV



RAC-EJ24CKV



RAC-EJ10CKV1 Chống ăn mòn



RAC-EJ13CKV Chống ăn mòn



RAC-EJ18CKV Chống ăn mòn



RAC-EJ24CKV Chống ăn mòn

Sản phẩm thực tế có thể khác

ĐIỀU HÒA HAI CHIỀU LẠNH - SƯỞI TỐI ƯU CHI PHÍ VẬN HÀNH ĐEM LẠI SỰ THOẢI MÁI CHO CẢ GIA ĐÌNH BẠN

Công nghệ chú trọng vào hiệu quả vận hành và tiết kiệm năng lượng



THOẢI MÁI TRONG CẢ MÙA HÈ LẪN MÙA ĐÔNG

Với 2 chức năng lạnh/ sưởi, điều hòa giúp bạn cảm thấy mát mẻ vào mùa hè và ấm áp vào mùa đông.



CÔNG NGHỆ INVERTER TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Công nghệ Inverter sử dụng máy nén được phát triển và sản xuất bởi chính Hitachi.
Do đó, điều hòa có thể điều chỉnh được mức năng lượng tiêu thụ theo nhu cầu của bạn và theo thời tiết. Công nghệ Inverter giảm thiểu năng lượng tiêu thụ đến khoảng 50% so với điều hòa truyền thống*, giúp bạn tiết kiệm đáng kể chi phí điện hàng tháng.

Tiết kiệm 50% năng lượng tiêu thụ

LÀM LẠNH - SƯỞI ẤM NHANH CHÓNG

Lưu lượng gió lên đến 12.8m3/phút giúp đáp ứng việc làm lạnh/ sưởi ấm nhanh chóng và hiệu quả.

KHÔNG KHÍ SẠCH

Lưới lọc không khí lọc sạch bụi bẩn giúp nâng cao chất lượng không khí.



ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

Điều khiển nhiệt độ từ xa thật dễ dàng với:

- Giao diện trực quan
- Lập trình việc hẹn giờ với các thiết lập ưu tiên
- Chế độ chờ tiết kiệm điện

** So sánh về điện năng tiêu thụ của chức năng làm lạnh trên XJ10HJV và EJ10CKV1 theo một số điều kiện.*

DÒNG INVERTER HAI CHIỀU TIÊU CHUẨN HJV



RAS-XJ10HJV / 13HJV / 18HJV



RAC-XJ10HJV / 13HJV



RAC-XJ18HJV



RAS-XJ10HJV / 13HJV / 18HJV

INVERTER HAI CHIỀU TIÊU CHUẨN XJ

Model	Dàn lạnh		RAS-XJ10HJV	RAS-XJ13HJV	RAS-XJ18HJV
	Dàn Nóng		RAC-XJ10HJV	RAC-XJ13HJV	RAC-XJ18HJV
Nguồn cấp	Dòng điện			1 Pha	
	V/Hz			220-230/50	
	Nguồn điện			Dàn ngoài trời	
Công suất lạnh	Định mức (min/max)	kw	2.5 (0.9-3.1)	3.5 (0.9-4.0)	5.0 (1.9-5.2)
	Định mức (min/max)	BTU/h	8,530 (3,070-10,580)	11,940 (3,070-13,650)	17,060 (6,480-17,740)
Công suất sưởi	Định mức (min/max)	kw	3.4 (0.9-4.4)	4.2 (0.9-5.0)	6.0 (2.2-7.3)
	Định mức (min/max)	BTU/h	11,600(3,070-15,000)	14,330(3,070-17,060)	20,470 (7,510-24,900)
Sao năng lượng			5 Sao	5 Sao	5 Sao
Hiệu suất năng lượng		Wh/Wh	5.35	5.29	5.21
Công suất điện vào (Làm lạnh)	Định mức (min/max)	W	710 (250-1,290)	1,120 (250-1,460)	1,560 (500-2,100)
Công suất điện vào (Sưởi ấm)	Định mức (min/max)	W	880 (250-1,250)	1,100 (250-1,700)	1,660 (500-2,750)
Dòng điện (Làm lạnh)		A	3.89-3.72	5.53-5.29	7.16-6.85
Dòng điện (Sưởi ấm)		A	4.56-4.36	5.56-5.31	7.62-7.29
Lưu lượng gió (Làm lạnh)	H / M / L / Silent	m^3/min	8.5 / 7.2 / 6.2 / 5.6	10.0 / 8.1 / 6.7 / 5.6	11.7 / 10.0 / 7.5 / 5.6
Lưu lượng gió (Sưởi ấm)	H / M / L / Silent	m^3/min	9.5 / 8.3 / 6.7 / 5.6	11.0 / 9.2 / 8.7 / 5.6	12.8 / 10.8 / 8.5 / 7.2
Độ ồn (Làm lạnh)	H / M / L / Silent	dB	41 / 34 / 23 / 20	44 / 36 / 27 / 26	47 / 39 / 30 / 25
Độ ồn (Sưởi ấm)	H / M / L / Silent	dB	40 / 33 / 24 / 22	43 / 36 / 26 / 25	46 / 40 / 30 / 28
Công suất tách ẩm		L/h	1.4	1.6	2.0
Chiều dài/ Độ cao tối đa		m	20/10	20/10	20/10
Đường kính ống lỏng/ hơi		mm	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7
Kích thước	Dàn lạnh (W*H*D)	mm	780 X 280 X 215	780 X 280 X 215	780 X 280 X 215
	Dàn nóng (W*H*D)	mm	660X 530 X 278	660X 530 X 278	792X 600X 299
Khối lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	7.5 / 23.0	7.5 / 24.5	8.0 / 39.5
Môi chất lạnh				R32	

DÒNG INVERTER HAI CHIỀU TIÊU CHUẨN HMV



RAS-XJ10HMV/ XJ13HMV/ XJ18HMV



RAC-XJ10HMV/13HMV



RAC-XJ18HMV



INVERTER TIÊU CHUẨN HMV

Model	Dàn lạnh		RAS-XJ10HMV	RAS-XJ13HMV	RAS-XJ18HMV
	Dàn nóng		RAC-XJ10HMV	RAC-XJ13HMV	RAC-XJ18HMV
Nguồn cấp	Dòng điện			1 Pha	
	V/Hz			220-230/50	
	Nguồn điện			Dàn nóng	
Công suất lạnh	Định mức (min/max)	kW	2.50 (0.90 - 3.10)	3.50 (0.90- 4.00)	5.00 (1.90- 5.20)
	Định mức (min/max)	BTU/h	8,530 (3,070-10,580)	11,940 (3,070-13,650)	17,060 (6,480-17,740)
Công suất sưởi	Định mức (min/max)		3.40 (0.90- 4.40)	4.20 (0.90- 5.00)	6.00 (2.2- 7.30)
	Định mức (min/max)	BTU/h	11,600(3,070-15,000)	14,330(3,070-17,060)	20,470 (7,510-24,900)
Sao năng lượng			5 Sao	5 Sao	5 Sao
Hiệu suất năng lượng (CSPF)	Wh/Wh		5.35	5.29	5.21
Công suất điện vào (Lạnh)	Định mức (min/max)	W	710 (250-1,290)	1,120 (250-1,460)	1,560 (500-2,100)
Công suất điện vào (Sưởi)	Định mức (min/max)	W	880 (250-1,250)	1,100 (250-1,700)	1,660 (500-2,750)
Dòng điện (Lạnh)			3.89-3.72	5.53-5.29	7.16-6.85
Dòng điện (Sưởi)			4.56-4.36	5.56-5.31	7.62-7.29
Lưu lượng gió (Lạnh)	H / M / L / Silent	m3/min	8.5 / 7.2 / 6.2 / 5.6	10.0 / 8.1 / 6.7 / 5.6	11.7 / 10.0 / 7.5 / 5.6
Lưu lượng gió (Sưởi)	H / M / L / Silent	m3/min	9.5 / 8.3 / 6.7 / 5.6	11.0 / 9.2 / 8.7 / 5.6	12.8 / 10.8 / 8.5 / 7.2
Độ ồn (Lạnh)	H / M / L / Silent	dB	41 / 34 / 23 / 20	44 / 36 / 27 / 26	47 / 39 / 30 / 25
Độ ồn (Sưởi)	H / M / L / Silent	dB	40 / 33 / 24 / 22	43 / 36 / 26 / 25	46 / 40 / 30 / 28
Công suất tách ẩm		L/h	1.4	1.6	2.0
Chiều dài/ Độ cao tối đa		m	20/10	20/10	20/10
Đường kính ống lỏng/ hơi		mm	6.35/9.52	6.35/9.52	6.35/12.7
Kích thước	Dàn lạnh (W*H*D)	mm	780 x 280 x 215	780 x 280 x 215	780 x 280 x 215
	Dàn nóng (W*H*D)	mm	660x 530 x 278	660x 530 x 278	792x 600x 299
Khối lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	7.7 / 23.7	7.7 / 25.0	8.2 / 39.5
Môi chất lạnh				R32	

DÒNG INVERTER HAI CHIỀU TIÊU CHUẨN HMV



RAS-XJ21HMV



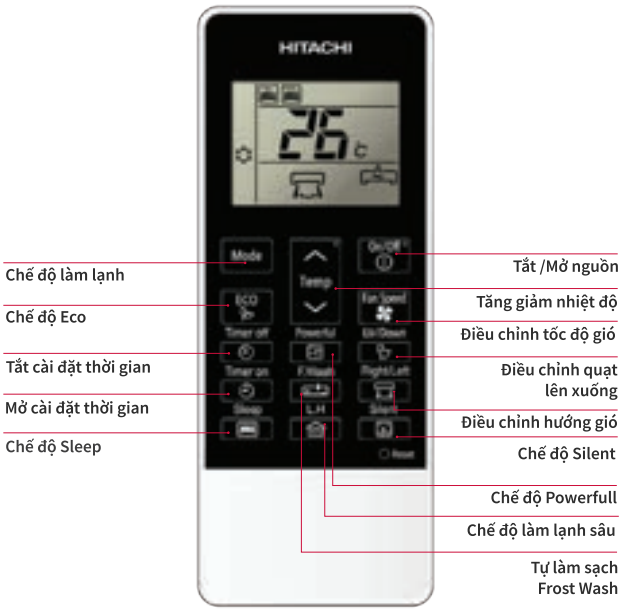
RAS-XJ24HMV/28HMV



RAC-XJ21HMV



RAC-XJ24HMV/28HMV



INVERTER TIÊU CHUẨN HMV

Model	Dàn lạnh		RAS-XJ21HMV	RAS-XJ24HMV	RAS-XJ28HMV
	Dàn nóng		RAC-XJ21HMV	RAC-XJ24HMV	RAC-XJ28HMV
Nguồn cấp	Dòng điện			1 Pha	
	V/Hz			220-240 / 50	
	Nguồn điện			Dàn nóng	
Công suất lạnh	Định mức (min/max)	kW	6.0 (1.2 - 6.5)	7.0 (1.5 - 8.0)	8.0 (1.5 - 8.5)
	Định mức (min/max)	BTU/h	20,470 (4,090 - 22,170)	23,880 (5,110-27,290)	27,290 (5,110-29,000)
Công suất sưởi	Định mức (min/max)		7.0 (1.2- 8.0)	8.0 (1.5- 8.5)	9.0 (1.5- 9.5)
	Định mức (min/max)	BTU/h	23,880 (4,090-27,290)	27,290 (5,110-29,000)	30,700 (5,110-32,410)
Sao năng lượng			5 Sao	5 Sao	5 Sao
Hiệu suất năng lượng (CSPF)	Wh/Wh		5.62	6.42	5.63
Công suất điện vào (Lạnh)	Định mức (min/max)	W	1800	2050	2450
Công suất điện vào (Sưởi)	Định mức (min/max)	W	1830	1980	2370
Dòng điện (Lạnh)			8.30-7.60	9.40-8.60	11.30-10.30
Dòng điện (Sưởi)			8.40-7.74	9.10-8.30	10.90-10.00
Lưu lượng gió (Lạnh)	H / M / L / Silent	m3/min	15.0 / 11.0 / 8.2 / 6.0	19.2 / 14.5 / 11.0 / 8.5	20.4 / 14.5 / 11.0 / 8.5
Lưu lượng gió (Sưởi)	H / M / L / Silent	m3/min	15.0/11.0/8.2/6.0	18.0/15.0/12.0/9.0	21.0/15.0/12.0/9.0
Độ ồn (Lạnh)	H / M / L / Silent	dB	49/ 42 / 33 / 30	49 / 44 / 39 / 33	50 / 44 / 39 / 33
Độ ồn (Sưởi)	H / M / L / Silent	dB	49/ 42 / 34 / 33	49 / 44 / 39 / 33	49 / 44 / 39 / 33
Công suất tách ẩm		L/h	2,8	4,8	4,8
Chiều dài/ Độ cao tối đa		m	30/20	30/20	30/20
Đường kính ống lỏng/ hơi		mm	6.35/12.7	6.35 / 15.88	6.35 / 15.88
Kích thước	Dàn lạnh (W*H*D)	mm	900 x 300 x 230	1100 x 300 x 260	1100 x 300 x 260
	Dàn nóng (W*H*D)	mm	850x 750 x 298	850x 800 x 298	850x 800 x 298
Khối lượng tịnh	Dàn lạnh/Dàn nóng	kg	11.5 / 50	15 / 52	15 / 52
Môi chất lạnh				R32	

HITACHI

airCloud Home

Ứng dụng **MỚI** cho phép bạn điều khiển điều hòa không khí ở bất kì nơi nào.



Dễ dàng điều khiển

Ứng dụng đơn giản.

airCloud Home với giao diện dễ sử dụng cho phép bạn điều khiển điều hòa trực tiếp từ điện thoại thông minh.



Ra lệnh bằng giọng nói

Kết nối với loa thông minh.

airCloud Home tương thích với Amazon Alexa và Google Assistant, cho phép bạn điều chỉnh nhiệt độ mà không cần dùng tay khi bạn đang bận nấu ăn, dọn dẹp hoặc tập luyện (chỉ áp dụng tiếng Anh).



Amazon Echo



Google Home



Quên tắt điều hòa?

Không cần lo lắng nữa.

Với airCloud Home, bạn có thể điều khiển máy điều hòa với một lần chạm, ngay cả khi bạn không có ở nhà.



airCloud Home



Lên kế hoạch tiết kiệm năng lượng

Tiết kiệm chi phí điện.

Dễ dàng lên lịch vận hành cho điều hòa. Loại bỏ việc sử dụng năng lượng không cần thiết khi bạn không ở nhà và cài đặt điều hòa tự động bật khi bạn trở về.

Thiết kế vì **sự tiện lợi của bạn**

Đăng kí trong vài bước 1

Rất dễ dàng bắt đầu với airCloud Home. Nhanh chóng tạo tài khoản online và dễ dàng kết nối với điều hòa của bạn.

Chia sẻ quyền truy cập cho gia đình bạn 2

airCloud Home cho phép bạn chia sẻ quyền truy cập lên đến 20 người. Quyền truy cập có thể điều chỉnh phân quyền theo từng tài khoản sử dụng, lí tưởng cho trẻ em và khách.

Điều khiển lên đến 20 điều hòa 3

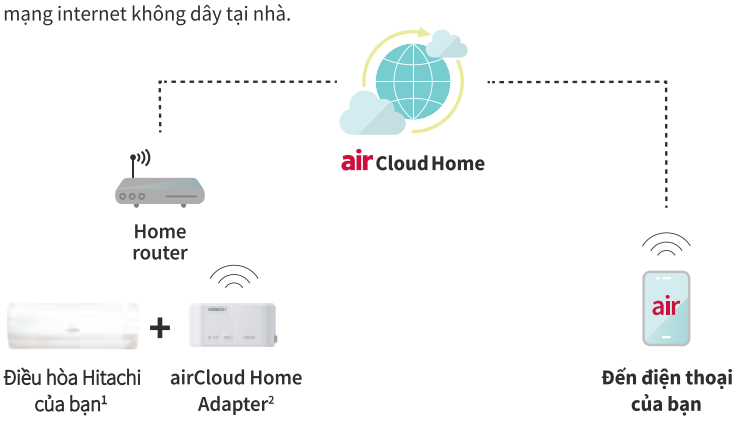
Với airCloud Home, bạn có thể tắt cùng lúc tất cả các điều hòa đã cài đặt trong ứng dụng.

Bảo mật thông tin +

Sự bảo mật của bạn là ưu tiên của chúng tôi. Với tiêu chuẩn bảo mật cao, ứng dụng chỉ yêu cầu những thông tin cá nhân tối thiểu nhất để thiết lập tài khoản.

airCloud Home hoạt động ra sao

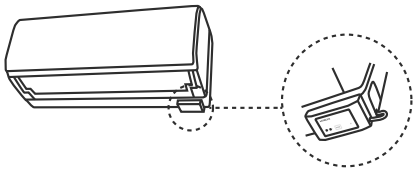
Kết nối điều hòa với cloud thông qua mạng internet không dây tại nhà.



airCloud Adapter

Kín đáo và dễ lắp đặt

- airCloud Adapter[1] được gắn bên dưới dàn lạnh. Nó kết nối với cloud thông qua mạng internet nhà bạn.
- Quy trình nhanh chóng và khi đã lắp xong, người dùng có thể kết nối với ứng dụng thông qua mã QR.
- Không cần dùng điện.
- Kích thước nhỏ: D40*L80*H16.5mm.



Available on the App Store

ANDROID APP ON Google Play

Xem thêm aircloudhome.com

[1] Tương thích của các dòng điều hòa Hitachi với airCloud Home sẽ được thông báo từ đơn vị bán hàng Hitachi Cooling & Heating.

[2] airCloud Home Adapter SPX-WFG02 là phụ kiện gắn thêm tùy chọn.

SO SÁNH TÍNH NĂNG

		DÒNG INVERTER CAO CẤP VJ	DÒNG INVERTER TIÊU CHUẨN XJ	DÒNG INVERTER TIÊU CHUẨN PJ	DÒNG INVERTER TIÊU CHUẨN XJ	DÒNG FIXED SPEED TIÊU CHUẨN EJ	DÒNG INVERTER 2 CHIỀU TIÊU CHUẨN HJV	DÒNG INVERTER 2 CHIỀU TIÊU CHUẨN HMV
		RAS-VJ10CLV RAS-VJ13CLV RAS-VJ18CJV RAS-VJ24CJV	RAS-XJ10CMV RAS-XJ13CMV RAS-XJ18CMV RAS-XJ24CMV	RAS-PJ10CMV RAS-PJ13CMV RAS-PJ18CMV RAS-PJ24CMV	RAS-XJ10CKV RAS-XJ13CKV RAS-XJ18CKV RAS-XJ24CKV	RAS-EJ10CKV1 RAS-EJ13CKV RAS-EJ18CKV RAS-EJ24CKV	RAS-XJ10HJV RAS-XJ13HJV RAS-XJ18HJV	RAS-XJ10HMV RAS-XJ13HMV RAS-XJ18HMV RAS-XJ21HMV RAS-XJ24HMV RAS-XJ28HMV
SỰ THOẢI MÁI	Cặp camera Hình ảnh + Nhiệt độ	• (1)						
	Cặp camera (Nhiệt độ)	• (2)						
	Cảm biến giấc ngủ	•						
	Cảm biến độ ẩm	•	• (3)	• (4)				
SỰ THOẢI MÁI	Chế độ ngủ Air Sleep thông minh	•						
	Air Sleep Ceiling	•						
	Hẹn giờ ngủ		•	•	•	•		
	Luồng gió chào đón	•						
	Chế độ ECO tiết kiệm điện	•					•	•
	Thổi thông minh	•						
	Thổi trực tiếp/ Gián tiếp	• (1)						
	Chế độ Save	•						
	Tự động Lưu/Tắt	•						
CHỨC NĂNG LÀM SẠCH	Frost Wash	•	•	•	•			• (7)
	Máng gió và cánh gió bằng thép không gỉ	•						
	Máng nước ngưng bằng thép không gỉ	•						
	Mặt nạ dàn lạnh tháo rời được	•	•	•	•	•	•	•
	Tia UV Fresh diệt khuẩn	•						
	Lưới lọc Nano Titanium thép không gỉ	•		•				• Phủ Wasabi
	Lưới lọc thông thường		•		•	•	•	•
	Lưới lọc bụi mịn PM2.5	• Phủ Wasabi	• Phủ than hoạt tính	• Phủ Wasabi				
TIỆN NGHI & THOẢI MÁI	Chế độ Refresh (Làm mới)	•	•	•	•			
	Chế độ Powerful (Chế độ cực đại)	•	•	•	•	•	•	•
	Chế độ Silent (Yên tĩnh)	•	•	•	•	•	•	•
	Điều khiển Fuzzy Logic	•	•	•	•	•		
	Vận hành cảm biến độ ẩm	•	•	•	•	•		
	Thổi tự động lên xuống	•	•	•	•	•		•
	Thổi tự động trái phải	•	• (3)	• (4)	• (5)			• (6)
	Tốc độ quạt	4 cấp	4 cấp	4 cấp	4 cấp	3 cấp	4 cấp	4 cấp
	Điều khiển vô cấp	•	•	•	•			•
ĐỘ TIN CẬY	Tương thích với AirClound Home	•	•	•	•			
	Cài đặt thời gian 12 giờ	•	•	•	•	•		•
	Tự khởi động lại	•	•	•	•	•		•
	Hộp kim loại chống cháy	•	•	•	•	•	•	•
	Dàn chống ăn mòn xanh lá	•	•	•	•	•	•	•
	Vỏ ngoài chống gỉ	•	•	•	•	•	•	•
	Mạch trễ 3 phút (Hạn chế nổ cầu chì)	•	•	•	•	•	•	•
	Ống thoát nước thay đổi linh hoạt	•	•	•	•	•	•	•

(1): Chỉ có trên dòng VJ10CLV/ VJ13CLV (2): Chỉ có trên dòng VJ18CLV/ VJ24CLV (3): Chỉ có trên dòng XJ18CMV/ XJ24CMV (4): Chỉ có trên dòng PJ18CMV/ PJ24CMV
(5): Chỉ có trên dòng XJ18CKV/XJ24CKV (6): Chỉ có trên dòng XJ21HMV/XJ24HMV/XJ28HMV (7): Chỉ có trên dòng XJ10HMV /XJ13HMV /XJ18HMV

MÔ TẢ TÍNH NĂNG

Sạch sẽ

Tính năng tự làm sạch (Frost Wash)
Loại bỏ bụi tích tụ trên bề mặt trao đổi nhiệt bằng cách giữ các hạt trong băng, sau đó được xả ra qua ống thoát nước.

Lưới lọc Nano
(Nano Titanium Stainless Pre-Filter)
Bộ lọc trước với lớp phủ Nano Titanium không gỉ giúp khử trùng vi khuẩn, khử mùi và làm sạch dễ dàng.

Lưới lọc không gỉ
(Stainless Clean System)
Thép không gỉ kháng khuẩn và bẫy bụi được áp dụng cho ống dẫn khí, cửa gió, và bộ lọc trước.

Tấm đọng sương không gỉ
(Stainless Dew Plate)
Thép không gỉ kháng khuẩn và bụi được đưa vào đường dẫn nước bên trong dàn lạnh.

Tính năng diệt khuẩn bằng tia UV
(UV Fresh)
Đèn LED UV kháng khuẩn được phát ra để khử trùng vi khuẩn trên các bộ lọc làm sạch không khí.

Bộ lọc làm sạch không khí PM2.5 Wasabi
(PM2.5 Wasabi Air Purifying Filter)
Bộ lọc làm sạch không khí được phủ một dung dịch làm từ Nano Titanium và Wasabi, kiêm lọc bụi mịn PM2.5, mang lại hiệu quả kháng khuẩn, chống dị ứng, chống nấm mốc và khử mùi.

Bảng điều khiển có thể tháo rời
(Washable Detachable Front Panel)
Mặt trước của thiết bị có thể dễ dàng tháo ra để vệ sinh và bảo trì.

Thoải mái

Thổi trực tiếp/gián tiếp
(Direct/Indirect Swing)
Xoay trực tiếp: Tự động hướng không khí mát hoặc ấm vào hoạt động của con người.

Xoay gián tiếp: Tự động hướng không khí ra khỏi khu vực hoạt động.

Chế độ khô (Dry Operation)
Giảm độ ẩm trong phòng bằng cách làm lạnh nhẹ căn phòng.

Thổi tự động trái/phải
(Left-Right Auto Swing)
Hướng luồng khí được tự động hướng từ trái sang phải để cung cấp không khí mát đều.

Chế độ Powerful (Powerful Mode)
Công suất tối đa và tốc độ quạt để làm mát hoặc sưởi ấm nhanh chóng.

Chế độ Refresh (Refresh Mode)
Kích hoạt làm mát tươi mới làm giảm độ ẩm bằng cách kiểm soát cả nhiệt độ và hoạt động của máy nén.

Điều khiển vô cấp
(Seamless Fan Speed Control)
Chuyển đổi mượt mà giữa các mức tốc độ quạt (Mạnh mẽ, Cao, Trung bình, Thấp, Im lặng) để có hiệu suất liền mạch.

Chế độ yên tĩnh (Silent Mode)
Kích hoạt chế độ yên tĩnh.

Thổi thông minh (Smart Swing)
Được sử dụng để tự động điều chỉnh hướng luồng khí (trái/phải, gần/xa) và thời gian xoay tùy theo điều kiện phòng.

Cài đặt thời gian 12 giờ (Timer 12h)
Cài đặt hẹn giờ tự động tắt hoạt động sau một số giờ đã chọn.

Thổi tự động lên/xuống
(Up-Down Auto Swing)
Hướng luồng khí được tự động hướng lên và xuống để cung cấp không khí mát đều.

Hệ thống cảm biến (Sensor System)
Phân phối nhiệt, mức độ hoạt động của con người và vị trí được theo dõi để tự động điều chỉnh hoạt động làm mát.

Luồng gió chào đón
(Welcome Breeze)
Hướng luồng không khí cực lạnh và mạnh đến mọi người trong phòng trong 15 phút đầu tiên. Tự động chuyển sang làm mát nguồn nhiệt sau 15 phút.

Tiết kiệm

Điều chỉnh hướng gió lên trần
(Air Sleep Ceiling)
Trong Chế độ Air Sleep, Air Sleep Ceiling tự động chọn tốc độ và hướng luồng khí lý tưởng tùy thuộc vào vị trí và hoạt động của mọi người trong phòng.

Cảm nhận giấc ngủ (Air Sleep Feel)
Bằng cách theo dõi tình trạng giấc ngủ của bạn vào ban đêm, nhiệt độ và độ ẩm được tối ưu hóa và tự động điều chỉnh thành hoạt động siêu im lặng để có giấc ngủ ngon. Chế độ làm mát thông thường sẽ kích hoạt lại khi cảm biến phát hiện bạn thức giấc.

Hẹn giờ ngủ (Air Sleep Timer)
Khi Air Sleep Timer được đặt, thiết bị sẽ chuyển sang hoạt động im lặng và nhiệt độ tối ưu để có giấc ngủ ngon. Hoạt động sẽ dừng sau số giờ đã chọn.

Tự động tắt (Auto Off)
Thiết bị sẽ tự động tắt nếu không có hoạt động nào của con người được phát hiện trong phòng trong hơn một giờ.

Tự động bật (Auto On)
Điều hòa tự động bắt đầu nếu có sự hoạt động của người được phát hiện.

Chế độ Eco (Eco Mode)
Sử dụng Hệ thống cảm biến để phát hiện và đo lường mức độ hoạt động, ánh sáng mặt trời và nhiệt độ. Hoạt động làm mát tự động điều chỉnh cho thoải mái tối đa và tiêu thụ năng lượng tối thiểu.

Chế độ lưu (Save Mode)
Hạn chế tối đa dòng điện trong quá trình hoạt động để ngăn chặn bộ ngắt mạch.

Đáng tin cậy

Dàn chống ăn mòn xanh lá
(Anti-Corrosion Green Fin)
Lớp phủ xanh chống ăn mòn trên dàn trao đổi nhiệt của dàn nóng.

Vỏ ngoài chống gỉ
(Anti-Rust Outdoor Casing)
Có cấu tạo từ tấm mạ kẽm với lớp phủ nhựa tổng hợp được thiết kế để chịu được gỉ và điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Tự động khởi động lại (Auto Restart)
Tự động khởi động lại điều hòa ở cài đặt trước trong trường hợp mất điện.

Ống thoát nước thay đổi linh hoạt
(Changeable Drainage Pipe)
Kết nối đường ống thoát nước có thể dễ dàng gắn vào bên trái hoặc bên phải của dàn lạnh.

Hệ thống nguồn DC
(DC Power System)
Sử dụng động cơ trong nhà DC hiệu quả, yên tĩnh và an toàn trong quá trình bảo trì.

Hộp kim loại chống cháy
(Fireproof Electrical Casing)
Các bộ phận điện được đặt chắc chắn trong vỏ kim loại chống cháy để giảm thiểu khả năng cháy lan.

Mạch trễ 3 phút (Hạn chế nổ cầu chì)
(3-Minute Delay Circuit (Fuse Blow Prevention))
Tính năng an toàn này bảo vệ cầu chì và các bộ phận bên trong nếu hoạt động được khởi động lại một cách vô tình.

Máy nén Rotary
(Two Cylinder Rotary Compressor)
Máy nén xoắn ốc tạo ra ít rung động và hoạt động yên tĩnh hơn.

Hệ thống Inverter DC
(Vector DC Inverter System)
Sử dụng vi mạch với dữ liệu cơ học của máy nén để theo dõi và điều chỉnh tốc độ quay của máy nén để vận hành hiệu quả, mạnh mẽ và ổn định.

air

Bosch Home Comfort Group is a trademark Licensee of Hitachi, Ltd.

www.hitachiaircon.com

Address: 3F, Catholic & Ethnic Newspaper Building,
370 Cach Mang Thang 8 Street, Nhieu Loc Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam.

Email: VN-Sales@bosch-hcgroup.com

THỜI HẠN BẢO HÀNH



Nhằm mục đích mang đến các cải tiến mới nhất cho khách hàng của mình, các thông số kỹ thuật của catalogue này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Thông tin trong catalogue này chỉ đơn thuần là thông tin. HITACHI Cooling & Heating từ chối bất kỳ trách nhiệm nào theo ý nghĩa nghĩa rộng nhất, đối với thiệt hại, trực tiếp hoặc gián tiếp, phát sinh từ việc sử dụng và/hoặc giải thích các khuyến nghị trong catalogue này.

LƯU Ý

Việc lắp đặt điều hòa phải được thực hiện theo “Hướng dẫn lắp đặt điều hòa Hitachi” được đính kèm trong sản phẩm. Việc lắp đặt nên được thực hiện bởi nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp để đảm bảo sản phẩm vận hành hiệu quả và an toàn cho người dùng. Nếu lắp đặt sai quy cách có thể sẽ bị rò rỉ gas, chập điện và cháy nổ.

Cần sử dụng đúng các loại phụ tùng và linh kiện được khuyên dùng bởi Hitachi để đảm bảo sản phẩm vận hành tốt. Việc sử dụng phụ tùng, linh kiện không phù hợp sẽ làm cho sản phẩm vận hành kém hiệu quả và có nguy cơ cháy nổ, chập điện.

Người dùng nên đọc kỹ “Hướng dẫn sử dụng điều hòa Hitachi” được đính kèm trong sản phẩm để đảm bảo nắm rõ & tuân thủ các thông tin quan trọng và các cảnh báo về an toàn, lưu ý khi sử dụng.